

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đỗ Toàn và bà Phạm Thị Chuông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 281/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 1, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà V có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tống Như L, sinh năm 1952; địa chỉ: KDC Đông Nam, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01/10/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tống Như L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được UBND phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2016. Trước khi kết hôn với ông L bà cũng đã có chồng và con là Đào Văn Nhân, sinh năm 1988; Đào Thị Nghĩa, sinh năm 1990; Đào Thuỳ Linh, sinh năm 1996, chồng bà mất năm 2011. Sau khi kết hôn, ông L chung sống với bà tại nhà của bà ở Hải Phòng được 21 ngày thì ông L bỏ về nhà mình ở phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn sinh sống. Sau khi chuyển về Hiến Thành sinh sống, ly thân với bà, bà biết được ông L còn đi với nhiều người đàn bà khác. Quá trình chung sống 21 ngày, giữa bà và ông L không có hạnh phúc mà thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là về kinh tế. Vợ chồng cũng đã

nhiều lần trao đổi, tìm hướng giải quyết nhưng cuối cùng tình trạng hôn nhân không cải thiện. Bà và ông L đã ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L.

- *Về con chung*: Bà xác định không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung*: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ, nhưng ông L không đến tòa để tòa án lấy lời khai cũng như tham gia phiên họp, hòa giải. Tại bản tự khai ngày 16/10/2020, ông L trình bày “tôi bận, tự tòa giải quyết”.

Tòa án đã xác minh, Chi Hội trưởng Hội phụ nữ KDC Đông Nam, phường Hiến Thành cho biết, ông L làm về Bảo hiểm nhân thọ, vẫn sinh sống tại KDC Đông Nam. Bà không nắm được tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà V vì không tổ chức đám cưới tại địa phương cũng như sau khi kết hôn không chung sống ở KDC Đông Nam nên bà không nắm được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông Tống Như L.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn cho bà V ly hôn ông L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình (sau đây gọi tắt là Luật HNGĐ); Về con chung: Không có con chung nên không phải giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng*: Bị đơn – ông L có nơi đăng ký hộ khẩu tại phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của BLTTDS. Ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, HĐXX xét xử vắng mặt ông L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị V và ông Tống Như L đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của bà V và việc không đến tham gia phiên hòa giải đoàn tụ của ông L trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng của bà V, ông L đã xảy ra mâu thuẫn, ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, không quan tâm giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, không có mong muốn đoàn tụ. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà V, xử cho bà V ly hôn ông L là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của LHNGĐ.

[4] *Về con chung*: Bà và ông L không có con chung nên không phải giải quyết.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà V, ông L đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Bà V, ông L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V: Xử cho bà Nguyễn Thị V ly hôn ông Tống Như L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2018/0003922 ngày 01/10/2020, bà V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND P.Hiến Thành, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

